附件一**(Appendix I)**、繳交資料檢核表

萬能科技大學 2023 年國際學生產學合作專班(春季班)學生申請入學招生

繳交資料檢核表

Check List for Application Materials

＊應繳交表件(請申請人自行勾選所繳各項證件)：

Applicants must check the Application Materials that you have submitted:

項次 Item	繳交表件 Documentation	份數 Copies	請勾選 Check
1	資料檢查表Check List for Application Materials (Appendix I)	1	
2	入學申請表(需黏貼照片) Application form (Photos must be attached) (Appendix II)	1	
3	同意具結書 Declaration (Appendix III)	1	
4	最高學歷畢業證書原文影本 One photocopy of the certificate or diploma of the highest degree obtained	1	
5	畢業證書中文或英文譯本 A notarized copy of a Chinese or English translation is required if the original diploma is in a language other than Chinese or English.	1	
6	歷年成績單中文或英文譯本 One photocopy of Academic year-by-year transcript (A notarized copy of a Chinese or English translation is required if the original diploma is in a language other than Chinese or English.)	1	
7	中英文留學計畫書 Study Plan in Chinese or English (Appendix IV)		
8	經由金融機構提出足夠在臺就學一學期之財力證明(金額至少需為美金 US$3,000 或越南盾 80,000,000.00)。 A financial statement issued by financial institutes which shows sufficient financial support for the applicant's first semester stay of study(Financial statement with a minimum balance of US$3,000 or VND 80,000,000.00) .	1	
9	護照或身份證影本 A copy of passport or ID	1	
10	外國學生申請人在臺就學檢核表及切結書 Checklist and Declaration for International Applicants undertaking Studies in Taiwan (Appendix V)	1	

※上述寄繳之資料請依序排列，並請自行備份留存，本校審核後，不論錄取與否，均留校存查，不予退還。

All documents should be submitted chronologically with your application, and shall remain with the university, which will not be returned regardless of admission status. Please keep your own personal copy for future reference.

附件二**(Appendix II)**、申請表

萬能科技大學

2023 年國際學生產學合作專班(春季班)申請入學申請表

BẢNG ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC LỚP CHUYÊN BAN HỆ VỪA HỌC VỪA LÀM(KÌ MÙA XUÂN)2023

To the Applicant: This application form should be completed with two copies.

申請人姓名 Họ tên người đăng kí	(中文 Tên tiếng trung)				此處貼最近三個月內二吋相片 Dán ảnh chụp trong vòng 3 tháng cỡ 3x4	
	(英文 Tên tiếng anh)					
護照號碼 Số hộ chiếu.						
出生日期 Ngày tháng năm sinh		性 別 Giới tính	☐男 nam ☐女 nữ			
國 籍 Quốc tịch		出生地 Quê quán				
電子郵件 E-mail						
申請系所 Đăng kí khoa ngành	**☐旅館管理系(Khoa quản lý nhà hàng khách sạn)** **☐企業管理系(Khoa quản trị kinh doanh)** **☐航空光機電系(Khoa điện quang cơ hàng không)** **☐商業設計系(Khoa thiết kế thương nghiệp)**					
通訊地址 Địa chỉ						
電 話 số điện thoại bàn	( )		行動電話 Số điện thoai di động			
申請人之父親 Bố người đăng kí	姓名 Họ tên		出生日期 Ngày tháng năm sinh		國 籍 Quốc tịch	
申請人之母親 Mẹ người đăng kí	姓名 Họ tên		出生日期 Ngày tháng năm sinh		國 籍 Quốc tịch	
在台聯絡人(無則免填) Người thân ở đài loan(không có không cần điền)		與申請人關係 quan hệ với người đăng kí		電 話 Số điện thoại		

教育背景 Thành tích học tập

學位 Học vị	學校名稱 Tên trường	學校所在地 Địa chỉ trường	主修學門 Môn chính	副修學門 Môn phụ	學位 Học vị	取得學位日期 Ngày nhận bằng
高級中學 Cấp 3						
大學 / 學院 Đại học / Học viện						

財力支援狀況：在本校求學期間費用來源 Tình hình chi viện tài chính:trong thời gian học tập tại trường Vạn năng tiền học phí và sinh hoạt phí ai cung cấp ?

□ 個人儲蓄 cá nhân tự tiết kiệm	□ 父母支援 Bố mẹ viện trợ
□ 獎助金 Học bổng (Please Specify) _____	□ 其他 Nguồn khác (Please Specify) _____

中英文語文能力 Năng lực ngoại ngữ tiếng trung tiếng anh

學習中文幾年? Học tiếng trung bao lâu ?				
學習中文環境(高中、大學、語文機構)？ Học tiếng trung ở đâu(trường cấp 3,đại học, hay trung tâm ngôn ngữ?				
您是否參加過中文語文能力測驗? Đã tham gia thi chứng chỉ tiếng trung chưa ?		□ 是 đã □ 否 chưa	何種測驗 Thể loại kiểm tra chứng chỉ nào ?	
			分數 Số điểm	
自我評估 Please evaluate your Chinese language skills.				
聽 Nghe	□ 優 giỏ i	□ 佳 khá	□ 尚可 trung bình	□ 差 kém
說 Nói	□ 優 giỏ it	□ 佳 khá	□ 尚可 trung bình	□ 差 kém
讀 Đọc	□ 優 giỏ i	□ 佳 khá	□ 尚可 trung bình	□ 差 kém
寫 Viế t	□ 優 giỏ i	□ 佳 khá	□ 尚可 trung bình	□ 差 kém

學習英文幾年 Học tiếng Anh bao lâu?			
學習英文環境（高中、大學、語文機構） Học tiếng Anh ở đâu(trường cấp 3,đại học, hay trung tâm ngôn ngữ)			
您是否參加過英文語文能力測驗? Đã tham gia thi chứng chỉ tiếng Anh chưa ?	□ 是 đã □ 否 chưa	何種測驗 Thể loại kiểm tra chứng chỉ nào ?	
		分數 Số điểm	

健 康 狀 況 Tình trạng sức khỏe	如有疾病或身心障礙情形，請敘明之 Nếu có bệnh hoặc khiếm khuyết thì ghi cụ thể

本欄請勿填寫(辦公人員用) PHẦN NÀY KHÔNG CẦN ĐIỀN(NHÂN VIÊN HÀNH CHÍNH GHI CHÉP)

申請編號 Mã số đăng kí		初審簽章 Người sơ duyệt kí		備註 Chú thích	

附件三**(Appendix III)**、同意具結書

同　意　具　結　書 Declaration

一、本人申請身份勾選如下，並保證符合貴校「外國學生招生規定」之規定。
The applicant's identity status will be indicated below, and will be according to the Regulations Regarding Study and Counseling Assistance for Overseas Chinese Students in Taiwan.
除下列第一項資格外，其餘身分保證於註冊時繳交中華民國入出國及移民署之入出國時間證明備查（**連續居留海外六年以上，每曆年在臺灣地區停留期間不得逾 120 日**，具相關證明文件者除外）。
Excluding the first item, the rest must present the Certificate of Entry and Exit Dates issued by the National Immigration Agency of the R.O.C. (**individuals that have lived abroad for more than 6 years can only temporarily reside in Taiwan for no more than 120 days**, but individuals holding the necessary documents are excluded).

☐ 從未具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格。
Never have been a citizen of the R.O.C., and didn't hold an Overseas Student Status durin time of application.

☐ 兼具有中華民國國籍且自始未曾在臺設籍。
Also citizen of the R.O.C., and has never applied for household registration in Taiwan

☐ 曾兼具有中華民國國籍，且經內政部許可喪失放棄國籍至今已達 8 年（需提供放棄國籍證明文件）
Had once held R.O.C. citizenship, but have forfeited it with the approval of the Ministry of Interior for over 8 years. (must provide necessary documents)

☐ 兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍。
Also a Permanent Resident of Hong Kong or Macau, and has never applied for household registration in Taiwan

☐ 曾為大陸地區人民且未曾在臺設有戶籍。
Had once held citizenship of Mainland China, and has never applied for household registration in Taiwan.

二、本人所提供之學歷證明文件(申請大學部者提出相當中華民國高中畢業之證書、申請轉學生者提出國/內外專科以上學歷證明、申請碩士班者提出大學畢業證書、申請博士班者提出碩士畢業證書)在畢業學校所在國家均為合法有效取得畢業資格，且所持之證件相當於中華民國國內各級合法學校。本人保證於註冊時繳交**學歷證件正本供學校查驗(畢業證書及歷年成績單)**。
The diploma (Applicants of undergraduate programs must provide graduation certificates from high schools in R.O.C., applicants of transfer students must provide domestic or foreign diploma of associate degree or bachelor's degree, applicants of master's programs must provide diploma of bachelor's degree and applicants of doctoral programs must provide diploma of master's degree) I present is valid and officially issued by an accredited educational institute in my home country or in the foreign state. I also attest that, once this University has accepted me, I should present the original academic credentials to Vanung University.

三、本人在華未曾因操行、學業成績不及格或犯刑事案件經判刑確定致遭退學或喪失學籍。
I have never been expelled or dismissed due to behavior issues, poor academic performance or criminal conviction from any academic institute in the R.O.C.

四、本人未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。
I have never studied in a status as an Overseas Chinese Student in Taiwan; and this year the University Entrance Committee has not assigned I for Overseas Chinese Students.

五、上述所陳之任一事項同意授權貴校查證，如有不實或違反中華民國教育部外國學生來臺就學辦法之事項等情事屬實者，本人願依貴校相關規定處理，絕無異議。並同意貴校得於法令規定許可範圍內蒐集、處理、國際傳遞及利用本人個人資料。

I agree to authorize Vanung University to verify any information provided above. I fully understand that the false statement, wrong information and fake documents in the application or violation of the Regulations Regarding Study and Counseling Assistance for Overseas Chinese Students in Taiwan may lead to the expulsion from egulations Regarding Study and Counseling Assistance for Overseas Chinese Students in Taiwan Vanung University and/or deportation from Taiwan. I also agree to authorize Vanung University under a permitted extent to search, handle, undergo international transmission, and use my personal information.

此致 To

萬能科技大學 Vanung University

立切結書人 Applicant's Signature：

護照號碼 Passport No.：

日期 Date (MM/DD/YY)：_____

(本人已確實瞭解本具結書所提之內容)
(I fully understand the content of the declaration.)

自傳暨留學計畫書

Autobiography & Study Plan

申請人 日期

Name of Applicant_____ Date_____

申請班別

Program Applied

☐**旅館管理系(Bachelor degree program of Hotel Management)**
☐**企業管理系(Bachelor degree program of Businsess Administration)**
☐**航空光機電系(Bachelor degree program of Aeronautical and Opto-Mechatronic Engineering)**
☐**商業設計系(Bachelor degree program of Commercial Design)**

請以中文或英文撰寫 1000 字以內，敘述個人背景、求學動機、求學期間之讀書計畫等，以及完成學業後之規畫。

Please use following space to write statement of about 1000 words in Chinese or English, describing your background, motivation and study plan at VNU, as well as career plan after finishing your study. (Use additional sheets of page 2 if needed)

自傳暨留學計畫書

Autobiography & Study Plan

申請人 日期

Name of Applicant_____ Date_____

附件五**(Appendix V)**、切結書

外國學生申請人在臺就學檢核表及切結書

Checklist and Declaration for International Applicants Undertaking Studies in Taiwan

外國學生申請人是否曾以僑生身分在臺就學檢核表

Checklist for International Applicants Undertaking Studies in Taiwan as Overseas Chinese Student

依據「外國學生來臺就學辦法」第 2 條規定，外國學生須未曾以僑生身分在臺就學，為確認您的外國學生身分，請確實填寫回答以下問題，謝謝！

Under Article 2 of MOE Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan, an international student must not have studied in Taiwan as an overseas Chinese student. Please answer the following questions truthfully to verify your international student status. Thank you.

1. 請問您是否曾經來臺就學過？是□　否□ (若填寫否，則無需回答以下問題)

   Have you ever studied in Taiwan before?

   YES　□　　NO □ (skip the following questions if your answer is NO.)

2. 請問您是否曾以僑生身分在臺就學？是□　否□　不確定□

   Have you ever studied in Taiwan as an overseas Chinese student before?

   YES □　　NO □　　UNCERTAIN □

3. 請問您是否曾經海外聯合招生委員會分發？是□　否□　不確定□

   Have you ever received placement permission by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students?

   YES □　　NO □　　UNCERTAIN □

4. 請問您是否曾經各校以自行(單獨)招收僑生管道入學？是□　否□　不確定□

   Have you ever been admitted as an overseas Chinese student through individual recruitment of other institutions?

   YES □　　NO □　　UNCERTAIN □

5. 請問您本學年度是否向海外聯合招生委員會申請來臺就學？是□　否□

   Have you applied to the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students for study in Taiwan during the academic year?

   YES □　　NO □　　UNCERTAIN □

填表說明：若您於第 1 題或第 2 題填寫「否」之選項，請填寫下列切結書。

If you answered "NO" to Question 1 or Question 2 please fill in the following Affidavit.

切　　結　　書
DECLARATION

申請人_____(姓名)為具_____國籍之外國學生，申請本年度來臺就讀 **萬能科技大學□旅館管理系□企業管理系□航空光機電系□商業設計系國際學生產學合作專班** ，本人確認未曾以僑生身分在臺就學，倘經僑務主管機關查證具僑生身分，則由錄取學校撤銷原錄取資格，不得異議。

I, _____ (full name), an international student holding the nationality of Bachelor Degree Program of Industry-Academia Collaboration **in** ☐ Hotel Management ☐ Businsess Administration ☐ Electrical Engineering and Computer Science ☐ Aeronautical and Opto-Mechatronic Engineering ☐ Mechanical and Industrial Engineering ☐Information Management for International Students ☐ Commercial Design, am applying to study at the Vanung University this year. I guarantee that I have never studied in Taiwan as an overseas Chinese student before; in case I'm verified by the Overseas Compatriot Affairs Council to be holding the status of overseas Chinese student, my admission status shall be deprived without objection.

此致 To

萬能科技大學 Vanung University

立切結書人 Applicant's Signature：

護照號碼 Passport No.：

日期 Date (MM/DD/YY)：_____

(本人已確實瞭解本切結書所提之內容)
(I fully understand the content of the declaration.)

說明 Note：依據「僑生回國就學及輔導辦法」，所稱僑生，指海外出生連續居留迄今，或最近連續居留海外六年以上，並取得僑居地永久或長期居留證件回國就學之華裔學生。但就讀大學醫學、牙醫及中醫學系者，其連續居留年限為八年以上。

According to "Regulations Regarding Study and Counseling Assistance for Overseas Chinese Students in Taiwan," the term "overseas Chinese student" refers to a student of Chinese descent who has come to Taiwan to study, who was born and lived overseas until the present time, or who has been living overseas for six or more consecutive years in the immediate past and obtained permanent or long-term residency status overseas. Note that for those applying to study in the departments of medicine, dentistry, or Chinese medicine at Taiwan universities, the minimum required number of consecutive years of overseas residency is eight years.

所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區；連續居留，指華裔學生每曆年在國內停留期間未逾一百二十日。連續居留海外採計期間之起迄年度非屬完整曆年者，以各該年度之採計期間內在國內停留期間未逾一百二十日予以認定。

The term "overseas" refers to locations or countries other than mainland China, Macao, and Hong Kong. The term "consecutive years of residency" is defined as Overseas Chinese Students staying in Taiwan for less than 120 days per calendar year. If the calculated calendar year is not one complete calendar year, the stay in Taiwan should not exceed 120 days within the calculated calendar year period.

附件六**(Appendix VI)**、複查成績申請表

萬能科技大學

2023 年國際學生產學合作專班(春季班)申請入學

複查成績申請表 Application Form of Grade Appeal

申請日期：　　年　　月　　日

報名序號	
報名科系	☐旅館管理系**(Bachelor degree program of Hotel Management)** ☐企業管理系**(Bachelor degree program of Businsess Administration)** ☐航空光機電系**(Bachelor degree program of Aeronautical and Opto-Mechatronic Engineering)** ☐商業設計系**(Bachelor degree program of Commercial Design)**
考生姓名	
複查項目	☐書面資料　　☐口試
原始成績	
複查成績	
複查結果	(本欄考生勿填)

考生簽名：　＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿

注意事項：

一、考生對成績如有疑慮，請親自填寫本表，於 2023 年 1 月 4 日(星期三)12:00 前以傳真申請複查，並以電話確認複查結果，逾期恕不受理。傳真電話：+886-3-4531300，考生傳真之後請電話確認，聯絡電話：+886-3-4628654。

二、考生複查成績以一次為限。

附件七**(Appendix VII)**、報名專用信封封面

FROM

_____
(Full Name in Chinese)

_____
(Full Name in English)

_____
(Address)

_____

(國際學生產學合作專班)

TO: 萬能科技大學教務處國際交流組　收
32061 桃園市中壢區萬能路1號

Division of International Exchange
Office of Academic Affairs
Vanung University

No.1, Wanneng Rd., Zhongli Dist.,
Taoyuan City 32061, Taiwan (R.O.C.).

請將本表貼於自備B4 信封袋上，以掛號郵寄〈海外地區建議使用DHL 或FedEX 等快遞服務〉

1. Please attach this to B4 size envelope.
2. All the required documents are in A4 size. File these documents in the envelope in the order indicated.
3. The application should be sent in epress and registered mail.